

THỰC TRẠNG VIỆC GIẢM THUẾ SUẤT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

• NGUYỄN THỊ HOA - NGUYỄN CHUNG THỦY

TÓM TẮT:

Bài viết đề cập đến nội dung của thuế giá trị gia tăng và việc áp dụng thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, phân tích những kết quả đạt được, hạn chế và bất cập mà thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam gặp phải khi giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8%. Trên cơ sở nghiên cứu và thu thập thông tin, bài viết đưa ra một số nhận định về việc giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng đến nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: thuế giá trị gia tăng, giảm thuế suất, áp dụng thuế.

1. Đặt vấn đề:

Thuế giá trị gia tăng là nguồn thu thuế lớn nhất cho ngân sách nhà nước (NSNN), chiếm khoảng 1/4 tổng thu ngân sách, tỷ lệ động viên ngân sách từ thuế giá trị gia tăng của Việt Nam đứng hàng đầu, phản ánh mức thu khá hiệu quả của thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam.

Ngày 11/01/2022, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2022 và tiếp tục gia hạn trong năm 2023 áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá

trị gia tăng 10%. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP về giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng từ ngày 01/02/2022.

Vấn đề đặt ra là, trong bối cảnh nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, chính sách giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% của Chính phủ có ảnh hưởng như thế nào đến nền kinh tế Việt Nam?

2. Những vấn đề chung về thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam hiện nay

Thuế giá trị gia tăng có nguồn gốc từ thuế doanh thu và Pháp là nước đầu tiên trên thế giới ban hành Luật Thuế giá trị gia tăng vào năm 1954. Luật Thuế giá trị gia tăng số 57/1997/L-CTN lần đầu

tiên được ban hành vào ngày 10/05/1997 và chính thức đưa vào áp dụng từ ngày 01/01/1999, tại kỳ họp lần thứ 11 Quốc hội khóa 9. Hiện nay, khung pháp lý cao nhất về thuế giá trị gia tăng là Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 và số 106/2016/QH13.

Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Thuế giá trị gia tăng có các đặc điểm cơ bản sau:

- Thuế giá trị gia tăng là loại thuế gián thu, đánh vào người tiêu dùng. Người mua là người chịu thuế nhưng không trực tiếp nộp thuế mà do người bán nộp hộ.

- Thuế giá trị gia tăng là sắc thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn.

- Thuế giá trị gia tăng là yếu tố cấu thành trong giá cả hàng hóa, dịch vụ. Là khoản thu cộng thêm vào giá bán của người cung cấp.

- Tổng bù trừ số thuế ở các khâu bằng số thuế cuối cùng mà người tiêu dùng phải trả.

- Thuế giá trị gia tăng là loại thuế có tính trung lập cao vì:

- Thuế giá trị gia tăng không phải là yếu tố chi phí. Nó là yếu tố cộng thêm ngoài giá bán của người cung cấp hàng hóa, dịch vụ;

- Thuế giá trị gia tăng ít mức thuế suất. Theo quy định hiện hành, thuế giá trị gia tăng chỉ có 3 mức thuế suất là 0%, 5% và 10%.

- Số thuế phát sinh không chịu ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh của người nộp thuế.

- Không chịu ảnh hưởng bởi quá trình tổ chức, phân chia sản xuất - kinh doanh vì tổng số thuế các khâu bằng số thuế trên giá bán cuối.

- Phạm vi áp dụng chỉ trong lãnh thổ Việt Nam nên tạo ra sự công bằng trong giao dịch quốc tế (xuất khẩu, nhập khẩu).

- Thuế giá trị gia tăng có tính chất lũy thoái so với thu nhập.

- Thuế giá trị gia tăng có tính không trùng lặp.

3. Vai trò của thuế giá trị gia tăng

Thuế là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Vai trò của thuế giá trị gia tăng được thể hiện ở các khía cạnh chủ yếu sau:

- Thuế giá trị gia tăng có tác dụng điều tiết thu nhập của tổ chức, cá nhân tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.

- Thuế giá trị gia tăng là khoản thu quan trọng của ngân sách nhà nước. Ở Việt Nam, thuế giá trị gia tăng hiện nay chiếm tỷ trọng khoảng 20 - 30% trong tổng thu từ thuế, phí và lệ phí.

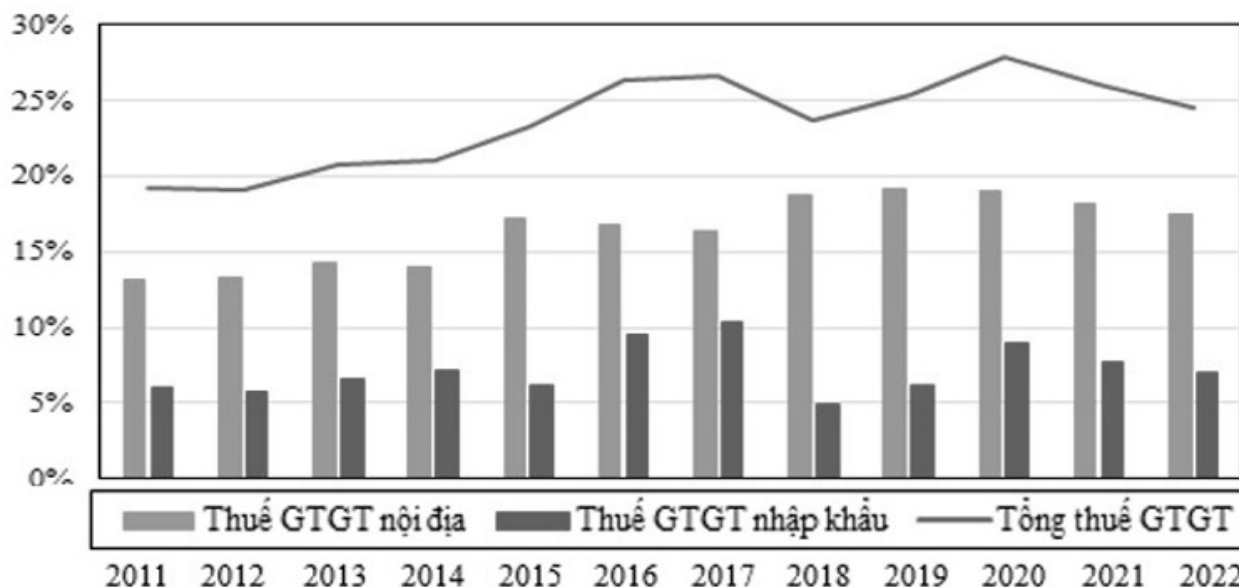
- Thuế giá trị gia tăng không trùng lặp do loại thuế này chỉ tính vào giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ qua các khâu sản xuất, lưu thông, tiêu dùng mà không tính vào phần giá trị đã chịu thuế giá trị gia tăng ở các khâu trước. Thuế đã nộp ở các khâu trước được tính khấu trừ ở khâu sau, do đó có tác dụng khuyến khích các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, khuyến khích chuyên môn hóa, hợp tác hóa sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

- Khuyến khích xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ thông qua áp dụng mức thuế suất 0%. Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ không những không phải chịu thuế giá trị gia tăng ở khâu xuất khẩu mà còn được hoàn toàn bộ số thuế đầu vào đã thu ở khâu trước. Điều này có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh về giá của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên thị trường quốc tế.

- Thúc đẩy thực hiện chế độ hạch toán kế toán; sử dụng hóa đơn, chứng từ và thanh toán qua ngân hàng.

Hình 1 cho thấy, thuế giá trị gia tăng là nguồn thu ngân sách nhà nước quan trọng ở Việt Nam, chiếm tới trên dưới 25% tổng thu ngân sách (và chiếm 1/3 tổng thu thuế). Trong đó, tỷ trọng giữa thuế giá trị gia tăng nội địa và giá trị gia tăng hàng nhập khẩu là xấp xỉ 2:1.

Tại Việt Nam, có 3 mức thuế suất giá trị gia tăng là: 0%, 5% và 10%. Tuy nhiên, không phải tất

Hình 1: Tỷ trọng thuế giá trị gia tăng trong thu ngân sách ở Việt Nam, 2011-2022 (%)

(Nguồn: Tính toán từ Quyết toán NSNN của Bộ Tài chính 2011-2022).

cả hàng hóa và dịch vụ đều phải chịu thuế GTGT. Điều 5 của Luật Thuế giá trị gia tăng có quy định về 25 nhóm đối tượng thuộc diện miễn thuế giá trị gia tăng. Một số hàng hóa dịch vụ được miễn thuế bao gồm bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ y tế, thú y; dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật. Điểm khác biệt giữa hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế với loại chịu mức thuế suất 0% là cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế không được khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào.

4. Thực trạng việc giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam hiện nay

Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% được áp dụng với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, từ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất. Chi tiết tại

Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Chính sách giảm thuế giá trị gia tăng chính thức thi hành kể từ ngày 01/2/2022.

Bản chất thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu, đánh vào giá trị của hàng hóa dịch vụ từ khâu sản xuất - kinh doanh đến tiêu dùng tại Việt Nam. Người chịu thuế là người cuối cùng tiêu dùng hàng hóa dịch vụ trên lãnh thổ Việt Nam. Như vậy về bản chất, người được hưởng mức giảm thuế 2% là người tiêu dùng cuối cùng của hàng hóa dịch vụ.

Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 hoành hành, người dân gặp nhiều khó khăn trong sản xuất - kinh doanh thì việc giảm thuế 2% trên mỗi hàng hóa dịch vụ sẽ giúp người dân tiết kiệm một phần tiền khi mua hàng hóa dịch vụ, có thể tạo động lực

kích thích nhu cầu tiêu dùng, kích cầu tiêu dùng, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, để đạt được ý nghĩa nhân văn của chính sách, việc thực thi chính sách giảm thuế sẽ đối diện với nhiều khó khăn, đặc biệt khi việc thu thuế - nộp thuế được thực hiện gián tiếp thông qua doanh nghiệp (người bán).

4.1. Những kết quả đạt được

Giảm thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống còn 8% là chính sách có tác động lan tỏa rất lớn đến toàn bộ giao dịch trên thị trường trong năm 2022 và được gia hạn đến nay. Bởi đây là lần đầu tiên thuế giá trị gia tăng được giảm đồng bộ từ khâu nhập khẩu, sản xuất đến gia công, tiêu dùng.

Thuế giá trị gia tăng là thuế gián thu, Quốc hội, Chính phủ quyết định giảm thuế giá trị gia tăng vừa để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, vừa để ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Điều này góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất - kinh doanh, giúp doanh nghiệp và nền kinh tế sớm phục hồi, người tiêu dùng và doanh nghiệp cùng chia sẻ lợi ích này.

Việc giảm thuế giá trị gia tăng làm cho cán cân cung - cầu của nền kinh tế được gần nhau hơn, từ đó thị trường sẽ xác lập mức giá mới thấp hơn mức giá khi không giảm thuế. Điều này cũng sẽ góp phần vào công cuộc giảm tỷ lệ lạm phát trong thời gian tới.

Khi dịch Covid-19 kiểm soát, nền kinh tế nước ta mở cửa trong trạng thái bình thường mới, tạo tiền đề quan trọng để phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; các hoạt động văn hóa - xã hội dần trở lại bình thường. Tuy nhiên, giá cả một số hàng hóa đầu vào tăng, nhất là giá xăng dầu, cùng với nguồn nhân lực lao động thiếu hụt cục bộ đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và người dân. Trong bối cảnh đó, việc giảm thuế giá trị gia tăng theo các quy định tại Nghị định 15 đã tác động góp phần kích thích tiêu dùng, gia tăng sản xuất đã mang lại lợi ích kép cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định, đã khuyến khích người dân mua sắm, chi tiêu nhiều hơn, góp phần tăng thu thuế giá trị gia

tăng 13,2% so cùng kỳ, nếu loại trừ yếu tố tác động của chính sách miễn, giảm, gia hạn thì thu thuế giá trị gia tăng tăng 5% so cùng kỳ.

Theo số liệu tính toán từ quyết toán thu NSNN theo sắc thuế năm 2019 của Bộ Tài chính, thuế giá trị gia tăng chiếm 34,4% trong tổng các khoản thu từ thuế và chiếm 24% trong tổng thu NSNN (Bộ Tài chính, 2019). Do vậy, việc giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ tác động rất lớn tới NSNN. Trong ngắn hạn, ngân sách giảm 6,9%. Tuy nhiên, sự hỗ trợ này của Chính phủ sẽ kích thích tiêu dùng và gia tăng sản xuất, tạo điều kiện cho doanh nghiệp duy trì, phục hồi sản xuất và mở rộng kinh doanh. Điều này cũng sẽ tạo công ăn việc làm cho người lao động, góp phần hạ tỷ lệ thất nghiệp, khôi phục nền kinh tế sau ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19. Từ đó, kích cầu tiêu dùng, kích thích người dân mua sắm, chi tiêu nhiều hơn.

Khi sức tiêu thụ hàng hóa tăng lên, hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp được đẩy mạnh. Nhờ vậy, sản lượng sản xuất tăng, GDP tăng đáng kể (tăng 7%), xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng mạnh trong dài hạn (tương ứng tăng 23,6% và 21,8%), xuất khẩu tăng mạnh hơn nhập khẩu nên cán cân thương mại sẽ thặng dư. Doanh nghiệp giảm được chi phí nhờ thuế giá trị gia tăng đầu vào giảm, người tiêu dùng mua được hàng hóa rẻ hơn, đồng thời tiết kiệm được 2% trong tiêu dùng nên sức tiêu thụ mạnh hơn, NSNN không giảm, mà trái lại tăng 4,3% trong dài hạn. (Bảng 1)

Việc giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% làm cho nguồn thu thuế vào NSNN giảm trong ngắn hạn, tuy nhiên trong dài hạn việc giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng ảnh hưởng đến hệ thống giá của hàng hóa, tác động tích cực đến sản xuất. Kết quả đạt được là trong dài hạn, tổng thu ngân sách từ thuế của Chính phủ được cải thiện nhiều, trong đó thu từ thuế giá trị gia tăng giảm - nhưng % giảm thấp, thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp tăng - do doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, tăng được lợi nhuận. Như vậy, với chính sách giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng, không chỉ tăng phúc lợi cho người dân, kích cầu tiêu dùng, mà còn thúc đẩy đầu tư, tháo gỡ khó

khẩn cho doanh nghiệp. Chính phủ sẽ đạt được mục tiêu khôi phục nền kinh tế sau ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

4.2. Những hạn chế của thuế giá trị gia tăng hiện nay

Việc giảm thuế giá trị gia tăng vẫn còn một số hạn chế khi còn nhiều người dân, doanh nghiệp chưa nắm được quy định này. Trong khi người dân mong mỏi được giảm thuế, một số doanh nghiệp cho rằng không phải họ không muốn làm mà vì không thể nắm rõ mặt hàng nào thuộc danh mục được giảm thuế, mặt hàng nào không. Hoặc, gặp khó trong khâu tra cứu, đối chiếu mã hàng hóa, dịch vụ để áp thuế giá trị gia tăng 8%.

Một số đối tượng lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá bán của các hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế.

Việc giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng có nhiều khả năng gây ra bất bình đẳng về thu nhập và sự biến đổi trong phúc lợi hộ gia đình. Giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng làm tăng phúc lợi hộ gia đình với mức độ tác động phân bố không đều giữa các nhóm hộ. Giảm thuế suất, các nhóm hộ giàu trong tất cả các khu vực (thành thị/nông thôn), lĩnh vực (nông nghiệp/phi nông nghiệp) mức tăng phúc lợi rất lớn, nên có thể làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Quan trọng hơn, các nhóm hộ nông nghiệp có xu hướng nhận được lợi ích cao hơn các nhóm hộ phi nông nghiệp. Do đó, Chính phủ cần có cơ chế hỗ trợ hợp lý để tạo sự công bằng trong phân phối thu nhập giữa thành thị và nông thôn, cũng như giữa các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp.

5. Kết luận

Giảm thuế giá trị gia tăng là một chính sách đúng đắn, kịp thời giúp giảm khó khăn cho người dân. Tuy nhiên, chính sách được triển khai và có hiệu lực ngay tại thời điểm nghỉ Tết Nguyên đán Nhâm Dần, dẫn đến người dân và doanh nghiệp chưa kịp thời nắm bắt nội dung, lúng túng khi áp dụng và có khả năng hiểu sai vận dụng không đúng chính sách của Nhà nước, khó có tác động tích cực được đến người tiêu dùng như kỳ vọng về chính sách đã đề ra.

Trong ngắn hạn việc giảm thuế giá trị gia tăng sẽ làm giảm thu NSNN. Tuy vậy, trong trung hạn và dài hạn khi kinh tế tăng trưởng nhờ nhiều chính sách, trong đó có chính sách giảm thuế giá trị gia tăng để kích cầu thì thu NSNN sẽ tăng ngược trở lại.

Việc giảm thuế giá trị gia tăng được xem như là đòn bẩy kích cầu tiêu dùng của cả xã hội, qua đó sẽ góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp doanh nghiệp và nền kinh tế sớm phục hồi. Bên cạnh đó, giảm thuế giá trị gia tăng sẽ kích thích đầu tư nước ngoài, bởi khi chúng ta ưu đãi thuế và phí sẽ giảm giá bán, tăng sức cạnh tranh. Đặc biệt, các nguyên liệu đầu vào cũng có thể được giảm trực tiếp, giúp tăng sức cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Với việc ban hành kịp thời các chính sách tài khóa phù hợp, kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp và người dân thích ứng, vượt qua thời kỳ dịch bệnh khôi phục sản xuất kinh doanh, sẽ khuyến khích đầu tư, giúp Việt Nam tìm lại vị thế của mình trong phát triển kinh tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Tài chính (2013). Thông tư số 219/2013/TT-BTC về hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.
2. Chính phủ (2022). Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% được áp dụng với các nhóm hàng hóa, dịch vụ.
3. Quốc hội (2022). Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.
4. La Xuân Đào (2012), Chính sách thuế đối với phát triển kinh tế ở Việt Nam.

Ngày nhận bài: 10/5/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 24/5/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 8/6/2024

Thông tin tác giả:

1. NGUYỄN CHUNG THỦY

2. NGUYỄN THỊ HOA

Đại học Công nghiệp Hà Nội

CURRENT SITUATION OF VALUE-ADDED TAX RATE REDUCTION IN VIETNAM

● **NGUYEN THI HOA**

● **NGUYEN CHUNG THUY**

Hanoi University of Industry

ABSTRACT:

This article discusses the content of the value-added tax (VAT) and the application of VAT in Vietnam today. It analyzes the achievements, limitations, and issues faced by VAT in Vietnam when the VAT rate was reduced from 10% to 8%. Based on research and data collection, the article provides some insights into the impact of the VAT rate reduction on the Vietnamese economy in the current period.

Keywords: value-added tax, tax rate reduction, tax application.